

**THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá số 04/HĐ-DVĐGTS ngày 20/05/2025 giữa Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước thông báo đấu giá như sau:

1. Tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Đơn vị có tài sản đấu giá: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ: 673 đường Phú Riềng Đỏ, P. Tân Bình, TX Đồng Xoài.

3. Thông tin về tài sản và nơi có tài sản đấu giá

a) Tài sản đấu giá:

1. Tên tài sản: Tài sản là Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được chia thành 02 gói. Cụ thể như sau:

- Gói tài sản số 01: Lâm sản gỗ có 27 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 10,544 m³ (trong đó: 02 hộp, phách gỗ Cắm xe – nhóm II thông thường, khối lượng: 0,912 m³; 04 hộp, phách gỗ Sao – nhóm II thông thường, khối lượng 2,535 m³; 21 hộp, phách gỗ Bằng Lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 7,097 m³).

- Gói tài sản số 2: Lâm sản gỗ có 43 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 11,037 m³ (trong đó: 07 hộp, phách gỗ Cắm xe – nhóm II thông thường, khối lượng 2,224 m³; 36 hộp, phách gỗ bằng Lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 8,813 m³).

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

2. Giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản đấu giá:

- Quyết định số 419/QĐ-SNN-KL ngày 05/11/2024 của Sở Nông nghiệp & PTNT V/v phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

b) Nơi có Tài sản: Tại kho bãi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

4. Tổng giá khởi điểm: 119.670.850 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, tám trăm năm mươi đồng). Trong đó:

- Gói tài sản số 01: 61.162.075 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Gói tài sản số 02: 58.508.775 đồng (Bằng chữ: năm mươi tám triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

Người trúng đấu giá có trách nhiệm chịu mọi chi phí liên quan đến việc bốc dỡ, vận chuyển tài sản mua được.

5. Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá.

a) Ngày, giờ bắt đầu bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Từ 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025**

b) Ngày, giờ kết thúc bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

c) Địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước - 238 đường Trần Hưng Đạo, Phường Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản:

a) Thời gian xem tài sản: Từ ngày **26/05/2025** đến ngày **29/05/2025** (Trong giờ hành chính)

b) Địa điểm xem tài sản: Tại kho bãi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của Hạt kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước. Khách hàng liên hệ số: 0818.676.869 gặp Đ/c Chinh để được hướng dẫn xem tài sản.

7. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian đăng ký: Từ 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025** đến 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

b) Địa điểm đăng ký: tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước.

c) Điều kiện đăng ký: Mọi tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được tham gia đấu giá theo Khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016 đều có quyền tham gia đăng ký đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không được nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với tài sản mà mình cũng là người tham gia đấu giá tài sản đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một tài sản.

- Không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

- Đối với tổ chức thì không được tham dự phiên đấu giá trong trường hợp công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp cũng là người tham gia đấu giá đối với tài sản đó.

d) *Cách thức đăng ký*: Người đăng ký tham gia đấu giá phải trực tiếp đi đăng ký tại địa điểm đăng ký. Nếu người khác đi đăng ký thay phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước phát hành.

- Bản sao có chứng thực một trong các giấy tờ sau: Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước.

- Bản sao có chứng thực Giấy phép kinh doanh và Hộ chiếu/CCCD/Thẻ Căn cước của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền nếu người đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức.

- Văn bản cam kết xem tài sản.

- *Lưu ý*: Người đăng ký tham gia đấu giá đăng ký theo từng gói tài sản riêng lẻ/từng hồ sơ.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá:

a) *Thời gian tổ chức phiên đấu giá*: 14 giờ 30 phút ngày **04/06/2025 (Thứ tư)**

b) *Địa điểm tổ chức phiên đấu giá*: tại Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước .

9. Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước; ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước.

a) *Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá*:

- Gói tài sản số 01: 50.000 đồng/hồ sơ.

- Gói tài sản số 02: 50.000 đồng/hồ sơ.

b) *Tiền đặt trước*: 20% trên giá khởi điểm của tài sản.

c) *Ngày, giờ bắt đầu, hết hạn nộp tiền đặt trước*.

- Ngày, giờ bắt đầu nộp tiền đặt trước: 07 giờ 30 phút ngày **21/05/2025**

- Ngày, giờ hết hạn nộp tiền đặt trước: 17 giờ 00 phút ngày **30/05/2025**

10. Hình thức, phương thức đấu giá.

a) *Phương thức đấu giá*: Phương thức trả giá lên.

b) *Hình thức đấu giá*: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá.

c) *Số lần trả giá*: nhiều lần trả giá cho đến khi không còn người tiếp tục trả giá

d) *Bước giá và việc áp dụng bước giá*: Bước giá là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá đầu tiên so với giá khởi điểm hoặc giữa những lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề. Mức Bước giá được áp dụng cụ thể là: Tối thiểu 02% (Hai phần trăm) giá khởi điểm của từng lần trả giá.

11. Cách ghi phiếu trả giá: Tại phiên đấu giá, ở mỗi vòng đấu, khách hàng tham gia đấu giá được 01 phát phiếu trả giá, khách hàng phải ghi đầy đủ thông tin theo mẫu phiếu mà Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước đã phát hành.

- Giá trả bằng số và bằng chữ. Giá trả bằng số và bằng chữ phải khớp với nhau, trường hợp không khớp với nhau thì phiếu trả giá không hợp lệ;

- Trường hợp từ vòng đấu số 2 trở đi, khách hàng không có nhu cầu trả giá thêm thì ghi từ "Rút" vào phần Giá trả của phiếu trả giá.

- Mức trả giá hợp lệ:

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu đầu tiên từ mức trả: Giá khởi điểm của tài sản + bước giá trở lên

+ Giá trả hợp lệ của vòng đấu tiếp theo từ mức trả: Giá cao nhất đã trả ở vòng đấu giá trước liền kề + Bước giá trở lên.

+ Khách hàng không trả giá ở vòng đấu trước sẽ không được tham gia trả giá ở lần tiếp theo.

12. Phiếu trả giá hợp lệ, Phiếu trả giá không hợp lệ:

a) Phiếu trả giá hợp lệ

- Mẫu phiếu trả giá do Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản phát hành hành (Phiếu được in theo mẫu, có đóng dấu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước ở góc bên trái của phiếu). Nếu người tham gia đấu giá sử dụng phiếu khác là không hợp lệ.

- Mức giá trả hợp lệ phải đúng theo mức quy định tại mục 11 của Thông báo này;

- Phiếu trả giá phải ghi đầy đủ nội dung quy định trong phiếu trả giá;

- Phiếu trả giá có chữ ký và ghi rõ họ tên của người trả giá;

- Số tiền ghi trong phiếu trả giá phải khớp cả về số và chữ, giá phải trả ghi trong phiếu trả giá ít nhất phải bằng giá tối thiểu phải trả tại vòng đấu đầu giá đó;

- Phiếu trả giá được bỏ vào đúng thùng phiếu và đúng thời gian theo quy định.

b) Phiếu trả giá không hợp lệ: Trường hợp giá trả không đáp ứng đủ điều kiện điểm a mục 12 của Thông báo này thì giá trả được xem như không hợp lệ

Khách hàng có nhu cầu xin liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước. Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, P. Tân Phú, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước - ĐT: 0271.3860216.

Nơi nhận:

- Đăng Website;
- Niêm yết;
- Lưu: VT, Hồ sơ.



GIÁM ĐỐC

Ngô Diên Long

Số: 03/BB-XĐGT

BIÊN BẢN

**Xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính
bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp (Lâm sản gỗ xẻ 10,544 m³)**

Căn cứ Luật xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20/11/2013 của Bộ Tài chính
Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi
phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Biên bản tạm giữ số: 07/BB-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm
CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy
phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Quyết định tạm giữ số: 07/QĐ-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm
lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy
phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Biên bản kiểm tra lâm sản, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm
CD&PCCCR (kèm theo bảng kê lâm sản);

Căn cứ Quyết định số 1402/QĐ-TT ngày 19/9/2024 của Chi cục trưởng Chi
cục Kiểm lâm tỉnh về Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Kèm
biên bản tịch thu số 02/BB-TT ngày 19/9/2024);

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-CCKL ngày 12/5/2025 của Chi cục Kiểm lâm
về việc Thành lập Hội đồng định giá xác định lại phẩm chất và giá trị tài sản là
tang vật vi phạm hành chính bị tịch để làm căn cứ bán đấu giá tài sản.

Hôm nay, hồi 8 giờ 15 phút, ngày 13/5/2025, tại Hạt Kiểm lâm huyện Bù
Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

**Hội đồng xác định lại phẩm chất và định giá tang vật vi phạm hành
chính tịch thu, gồm có:**

1. Ông Trần Quốc Hùng, chức vụ: Chi cục trưởng – Chủ tịch Hội đồng.

Cơ quan: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình, chức vụ: P. Trưởng Phòng Quản lý giá và Công
sản – Thành viên.

Cơ quan: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.



T
UN
V
T

3. Ông Nguyễn Văn Sơn, chức vụ: Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

4. Bà Trần Thị Chinh, chức vụ: Phó Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

5. Ông Cao Đức Hùng, chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Đội KLCD&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

6. Ông Trần Ngọc Toán, chức vụ: Kiểm lâm viên.

Cơ quan: Phòng HC-PC, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

7. Ông Phạm Văn Hạ, chức vụ: Phó Hạt trưởng

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Tiến hành xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định số: 1402/QĐ-TT.

1. Hội đồng đã tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá lại phẩm chất của tài sản (lâm sản gỗ xẻ các loại). Qua kiểm tra ghi nhận:

- Gỗ có hiện trạng, đặc điểm là khô, nứt ở phần thân và hai đầu. Nguyên nhân: do yếu tố tự nhiên và môi trường (gỗ từ thời điểm tạm giữ xử lý đến nay đã hơn 01 năm).

- Tỷ lệ phẩm chất còn lại: 65%.

2. Hội đồng đã tiến hành xác định giá trị của lô tài sản gồm: Lâm sản gỗ có 27 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 10,544 m³ (trong đó: 02 hộp, phách gỗ Cắm xe - nhóm II thông thường, khối lượng 0,912 m³; 04 hộp, phách gỗ Sao – nhóm II thông thường, khối lượng 2,535 m³; 21 hộp, phách gỗ Bằng lăng – nhóm III thông thường, khối lượng 7,097 m³). Việc định giá tang vật vi phạm dựa trên các căn cứ pháp lý như sau:

- 03 Phiếu khảo sát giá mua, bán trên thị trường tại thời điểm tiến hành định giá lâm sản của 03 cơ sở, doanh nghiệp chuyên chế biến, mua bán các mặt hàng gỗ ở huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, gồm:

+ Phiếu khảo sát của Đồ gỗ mỹ nghệ Lê Thành.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV gỗ mỹ nghệ Phát Lộc.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV TM Hưng Chính.

- Bảng giá niêm yết tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh về Ban hành giá bán tối thiểu lâm sản tịch thu, lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng và mức chi phí khấu trừ, khai thác, vận chuyển, vận xuất từ khai thác rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Quyết định 43/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh).

- Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 08/8/2023; Biên bản định giá số 01/BB-XĐGT, ngày 11/10/2024, Biên bản định giá số 01/BB-XĐGT, ngày 07/3/2025 của Hội đồng định giá (kèm hồ sơ có liên quan).

3. Giá trị của tài sản được định giá theo bảng kê chi tiết dưới đây:

TT	Tên tài sản định giá	Quy cách tài sản			Khối lượng (m³)	Hiện trạng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng/m³)	Thành tiền (đồng)
		Dài (m)	Rộng (cm)	Chiều dày (cm)					
1	Băng Lãng	3,03	54,0	33,0	0,539	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.977.975
2	Cắm xe	3,65	40,0	39,0	0,569	Khô, nứt	65%	9.500.000	3.513.575
3	Băng Lãng	3,24	36,0	35,0	0,408	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.989.000
4	Băng Lãng	3,30	39,0	36,0	0,463	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.257.125
5	Băng Lãng	4,05	36,0	24,0	0,349	Khô, nứt	65%	8.000.000	1.814.800
6	Băng Lãng	4,02	34,0	34,0	0,464	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.412.800
7	Băng Lãng	4,10	46,0	44,0	0,829	Khô, nứt	65%	9.000.000	4.849.650
8	Băng Lãng	3,60	38,0	35,0	0,478	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.330.250
9	Cắm xe	2,59	39,0	34,0	0,343	Khô, nứt	65%	9.500.000	2.118.025
10	Sao	3,00	39,0	36,0	0,421	Khô, nứt	65%	10.500.000	2.873.325
11	Sao	3,20	56,0	52,0	0,931	Khô, nứt	65%	11.500.000	6.959.225
12	Băng Lãng	4,06	38,0	37,0	0,570	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.964.000
13	Sao	2,17	52,0	38,0	0,428	Khô, nứt	65%	11.500.000	3.199.300
14	Sao	4,15	52,0	35,0	0,755	Khô, nứt	65%	12.000.000	5.889.000
15	Băng Lãng	4,16	37,0	36,0	0,554	Khô, nứt	65%	8.000.000	2.880.800
16	Băng Lãng	2,51	26,0	26,0	0,169	Khô, nứt	65%	7.500.000	823.875
17	Băng Lãng	2,53	30,0	25,0	0,189	Khô, nứt	65%	7.500.000	921.375
18	Băng Lãng	2,62	37,0	36,0	0,348	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.696.500
19	Băng Lãng	2,51	35,0	20,0	0,175	Khô, nứt	65%	7.500.000	853.125
20	Băng Lãng	2,23	30,0	30,0	0,200	Khô, nứt	65%	7.500.000	975.000
21	Băng Lãng	2,25	26,0	26,0	0,152	Khô, nứt	65%	7.500.000	741.000
22	Băng Lãng	2,22	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
23	Băng Lãng	3,10	42,0	37,0	0,481	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.657.525
24	Băng Lãng	2,19	25,0	25,0	0,136	Khô, nứt	65%	7.000.000	618.800
25	Băng Lãng	2,25	26,0	26,0	0,152	Khô, nứt	65%	7.500.000	741.000
26	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
27	Băng Lãng	2,27	27,0	26,0	0,159	Khô, nứt	65%	7.500.000	775.125
Tổng cộng					10,544				61.162.075

Bằng chữ: Sáu mươi một triệu một trăm sáu mươi hai ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng./.

4. Kết luận: Giá trị tài sản nêu tại **Mục 3** được dùng làm giá khởi điểm để tiếp tục xử lý tài sản theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ 25 phút cùng ngày, gồm 02 tờ, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TÀI CHÍNH**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



Nguyễn Thanh Bình -P. TP

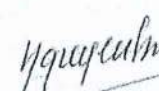
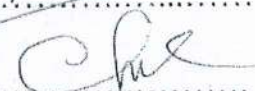
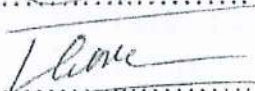
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



Trần Quốc Hùng- CCT

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG

- Nguyễn Văn Sơn - Đội trưởng Đội KLCD và PCCCR.....
- Trần Thị Chinh - Phó Đội trưởng Đội KLCD và PCCCR.....
- Cao Đức Hùng - KLV Đội KLCD và PCCCR.....
- Trần Ngọc Toán - KLV Phòng Hành chính-Pháp chế.....
- Phạm Văn Hạ - P. Hạt trưởng Hạt KL huyện Bù Đốp.....

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH
BÌNH PHƯỚC
HỘI ĐỒNG ĐỊNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/BB-XĐGT

BIÊN BẢN

**Xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính
bị tịch thu trong lĩnh vực Lâm nghiệp (Lâm sản gỗ xẻ 11,037 m³)**

Căn cứ Luật xử lý VPHC năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 173/2013/TT-BTC ngày 20 /11/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về quản lý, xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Biên bản tạm giữ số: 08/BB-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Quyết định tạm giữ số: 08/QĐ-TG, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

Căn cứ Biên bản kiểm tra lâm sản, ngày 01/8/2023 của Đội Kiểm lâm CD&PCCCR (kèm theo bảng kê lâm sản);

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-TT ngày 19/9/2024 của Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh về Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (Kèm biên bản tịch thu số 05/BB-TT ngày 19/9/2024);

Căn cứ Quyết định số 905/QĐ-CCKL ngày 12/5/2025 của Chi cục Kiểm lâm về việc Thành lập Hội đồng định giá xác định lại phẩm chất và giá trị tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu để làm căn cứ bán đấu giá tài sản.

Hôm nay, hồi 09 giờ 30 phút, ngày 13/5/2025, tại Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

Hội đồng xác định lại phẩm chất và định giá tang vật vi phạm hành chính tịch thu, gồm có:

1. Ông Trần Quốc Hùng, chức vụ: Chi cục trưởng – Chủ tịch Hội đồng.

Cơ quan: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Thanh Bình, chức vụ: P. Trưởng Phòng Quản lý giá và Công sản – Thành viên.

Cơ quan: Sở Tài chính tỉnh Bình Phước.

3. Ông Nguyễn Văn Sơn, chức vụ: Đội trưởng – Thành viên.



Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

4. Bà Trần Thị Chinh, chức vụ: Phó Đội trưởng – Thành viên.

Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

5. Ông Cao Đức Hùng, chức vụ: Kiểm lâm viên

Cơ quan: Đội KLCĐ&PCCCR, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

6. Ông Trần Ngọc Toán, chức vụ: Kiểm lâm viên.

Cơ quan: Phòng HC-PC, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

7. Ông Phạm Văn Hạ, chức vụ: Phó Hạt trưởng

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước.

Tiến hành xác định phẩm chất và định giá tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định số: 1405/QĐ-TT.

1. Hội đồng đã tiến hành kiểm tra thực tế để đánh giá lại phẩm chất của tài sản (lâm sản gỗ xẻ các loại). Qua kiểm tra ghi nhận:

- Gỗ có hiện trạng, đặc điểm là khô, nứt ở phần thân và hai đầu. Nguyên nhân: do yếu tố tự nhiên và môi trường (gỗ từ thời điểm tạm giữ xử lý đến nay đã hơn 01 năm).

- Tỷ lệ phẩm chất còn lại: 65%.

2. Hội đồng đã tiến hành xác định giá trị của lô tài sản gồm: Lâm sản gỗ có 43 hộp, phách gỗ xẻ có khối lượng 11,037 m³ (trong đó: 07 hộp, phách gỗ Cắm xe – nhóm II thông thường, khối lượng 2,224 m³; 36 hộp, phách gỗ Bàng lằng – nhóm III thông thường, khối lượng 8,813 m³). Việc định giá tang vật vi phạm dựa trên các căn cứ pháp lý như sau:

- 03 Phiếu khảo sát giá mua, bán trên thị trường tại thời điểm tiến hành định giá lâm sản của 03 cơ sở, doanh nghiệp chuyên chế biến, mua bán các mặt hàng gỗ ở huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước, gồm:

+ Phiếu khảo sát của Đồ gỗ mỹ nghệ Lê Thành.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV gỗ mỹ nghệ Phát Lộc.

+ Phiếu khảo sát của Công ty TNHH MTV TM Hưng Chính.

- Bảng giá niêm yết tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND tỉnh về Ban hành giá bán tối thiểu lâm sản tịch thu, lâm sản khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng và mức chi phí khấu trừ, khai thác, vận chuyển, vận xuất từ khai thác rừng tự nhiên và rừng trồng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Quyết định 43/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh).

- Biên bản định giá số 03/BB-XĐGT, ngày 08/8/2023; Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 11/10/2024; Biên bản định giá số 02/BB-XĐGT, ngày 07/3/2025 của Hội đồng định giá (kèm hồ sơ có liên quan).

3. Giá trị của tài sản được định giá theo bảng kê chi tiết dưới đây:

TT	Tên tài sản định giá	Quy cách tài sản			Khối lượng (m ³)	Hiện trạng	Tỷ lệ % chất lượng còn lại	Đơn giá (đồng/m ³)	Thành tiền (đồng)
		Dài (m)	Rộng (cm)	Chiều dày (cm)					
1	Băng Lãng	2,20	25,0	25,0	0,137	Khô, nứt	65%	7.000.000	623.350
2	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
3	Băng Lãng	2,20	42,0	42,0	0,388	Khô, nứt	65%	8.500.000	2.143.700
4	Băng Lãng	2,25	25,0	25,0	0,140	Khô, nứt	65%	7.000.000	637.000
5	Băng Lãng	2,26	25,0	25,0	0,141	Khô, nứt	65%	7.000.000	641.550
6	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
7	Băng Lãng	2,22	25,0	25,0	0,138	Khô, nứt	65%	7.000.000	627.900
8	Băng Lãng	2,51	25,0	25,0	0,156	Khô, nứt	65%	7.000.000	709.800
9	Băng Lãng	2,27	28,0	27,0	0,171	Khô, nứt	65%	7.500.000	833.625
10	Băng Lãng	2,54	27,0	26,0	0,178	Khô, nứt	65%	7.500.000	867.750
11	Băng Lãng	2,51	25,0	25,0	0,156	Khô, nứt	65%	7.000.000	709.800
12	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
13	Băng Lãng	2,58	27,0	27,0	0,188	Khô, nứt	65%	7.500.000	916.500
14	Băng Lãng	2,38	33,0	31,0	0,243	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.184.625
15	Băng Lãng	2,54	31,0	30,0	0,236	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.150.500
16	Băng Lãng	2,51	32,0	32,0	0,257	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.252.875
17	Cắm xe	2,53	26,0	25,0	0,164	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.012.700
18	Cắm xe	2,54	26,0	26,0	0,171	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.055.925
19	Cắm xe	2,60	26,0	26,0	0,175	Khô, nứt	65%	9.500.000	1.080.625
20	Cắm xe	2,54	25,0	25,0	0,158	Khô, nứt	65%	9.000.000	921.500
21	Băng Lãng	2,55	38,0	35,0	0,339	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.652.625
22	Băng Lãng	2,54	26,0	25,0	0,165	Khô, nứt	65%	7.500.000	804.375
23	Băng Lãng	2,53	31,0	30,0	0,235	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.143.625
24	Cắm xe	2,55	25,0	25,0	0,159	Khô, nứt	65%	9.000.000	930.150
25	Băng Lãng	2,58	25,0	26,0	0,167	Khô, nứt	65%	7.000.000	759.850
26	Băng Lãng	2,20	26,0	26,0	0,148	Khô, nứt	65%	7.500.000	721.500
27	Băng Lãng	2,25	26,0	25,0	0,146	Khô, nứt	65%	7.500.000	711.750
28	Băng Lãng	2,23	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
29	Băng Lãng	2,52	32,0	32,0	0,258	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.257.750
30	Băng Lãng	2,55	25,0	25,0	0,159	Khô, nứt	65%	7.000.000	723.450
31	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
32	Băng Lãng	2,21	30,0	30,0	0,198	Khô, nứt	65%	7.500.000	965.250
33	Băng Lãng	2,23	26,0	25,0	0,144	Khô, nứt	65%	7.500.000	702.000
34	Băng Lãng	2,23	25,0	25,0	0,139	Khô, nứt	65%	7.000.000	632.450
35	Băng Lãng	2,23	31,0	31,0	0,214	Khô, nứt	65%	7.500.000	1.043.250
36	Băng Lãng	3,50	50,0	40,0	0,700	Khô, nứt	65%	8.500.000	3.867.500

37	Băng Lãng	2,20	25,0	25,0	0,137	Khô, nứt	65%	7.000.000	623.350
38	Cắm xe	4,15	46,0	44,0	0,839	Khô, nứt	65%	11.000.000	5.998.850
39	Băng Lãng	5,20	39,0	36,0	0,730	Khô, nứt	65%	8.000.000	3.796.000
40	Băng Lãng	3,20	46,0	44,0	0,647	Khô, nứt	65%	8.500.000	3.574.675
41	Băng Lãng	3,32	36,0	35,0	0,418	Khô, nứt	65%	7.500.000	2.037.750
42	Cắm xe	4,08	38,0	36,0	0,558	Khô, nứt	65%	10.000.000	3.627.000
43	Băng Lãng	4,12	40,0	39,0	0,642	Khô, nứt	65%	8.000.000	3.338.400
Tổng cộng					11,037				58.508.775
Bằng chữ: Năm mươi tám triệu năm trăm lẻ tám ngàn bảy trăm bảy mươi lăm đồng./.									

4. Kết luận: Giá trị tài sản nêu tại Mục 3 được dùng làm giá khởi điểm để tiếp tục xử lý tài sản theo quy định.

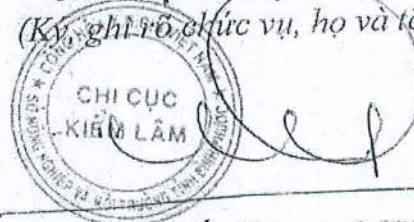
Biên bản lập xong hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 02 tờ, được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN TÀI CHÍNH**
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)



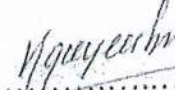
Nguyễn Thanh Bình - P. TP

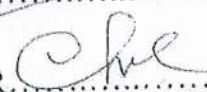
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

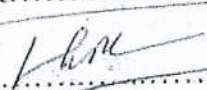


Trần Quốc Hùng - CCT

THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG

- Nguyễn Văn Sơn - Đội trưởng Đội KLCĐ và PCCCR.....

- Trần Thị Chinh - Phó Đội trưởng Đội KLCĐ và PCCCR.....

- Cao Đức Hùng - KLV Đội KLCĐ và PCCCR.....

- Trần Ngọc Toán - KLV Phòng Hành chính-Pháp chế.....

- Phạm Văn Hạ - P. Hạt trưởng Hạt KL huyện Bù Đốp.....